

Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
Số 02, Đường Trần Côn, Phường Trà Đà, Pleiku, Gia Lai

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
Quý II năm 2010

Mã số B 02-DIV
Ban hành theo QĐ 15/2005/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Mã	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2010		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		01	VI.25	491 497 840 992	91 215 948 371	606 625 911 138	179 231 646 388
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	02					123 293 595
02	2. Các khoản giảm trừ	04					
04	- Chiết khấu thương mại	05					123 293 595
05	- Giảm giá hàng bán	06					
06	- Hàng bán bị trả lại	07					
07	- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	10		491 497 840 992	91 215 948 371	606 625 911 138	179 108 352 793
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 -	11	VI.27	438 253 771 187	88 861 448 081	533 373 962 830	170 485 435 912
11	4. Giá vốn hàng bán	20		53 244 869 805	2 354 500 290	73 251 948 308	8 622 916 881
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -	21	VI.26	825 306 279	2 095 649 174	1 207 404 909	2 418 993 020
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.28	7 989 395 018	2 436 264 378	12 155 843 764	5 264 461 353
22	7. Chi phí tài chính	23		4 080 693 630	1 504 901 754	8 247 143 376	4 333 098 729
23	- Tổng số: Lợi vãng phải trả	24		431 602 666	459 973 457	1 237 063 010	1 895 276 148
24	8. Chi phí bán hàng	25		2 783 161 211	17 589 800	4 756 330 504	2 068 208 785
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		42 865 217 137	1 526 321 829	56 310 197 930	1 822 013 615
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 -	31		148 547 051	90 788 536	149 047 051	336 053 352
31	11. Thu nhập khác	32		- 439 390 365	298 155 317	13 929 323	320 285 966
32	12. Chi phí khác	40		587 937 416	- 207 366 781	135 117 728	15 767 416
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	50		43 453 154 553	1 318 955 048	56 445 315 658	1 837 781 031
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	51	VI.30	10 850 447 086	150 145 907	14 098 487 362	335 635 952
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30				
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60		32 602 707 467	1 168 809 141	42 346 828 296	1 502 145 079
60	17. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh (60 = 50 - 51 +						
	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số						
	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ						
	Lợi cơ bản trên cổ phiếu						

Phân tích 26 tháng 7 năm 2010

Người lập biên

Ké Toán Trùng

Phân ngành 28 tháng 4 năm 2010
05900413 Ông Giám Đốc

Thien Thien Thien

VŨ THỊ HẢI

Nguyễn Đình Trạc

